

Cao Bá Quát

Nhiều Tác Giả

Tiểu Sử

Cao Bá Quát (1809? -1855) tự Chu Thần sinh tại Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội, mất giữa trận tiền Quốc Oai trong cuộc khởi nghĩa chống triều đình thời Tự Đức... Tự Đức tru di ba họ Cao Bá Quát, thu hồi tiêu hủy văn chương ông. Nhưng ông được lòng dân bảo vệ: một rừng truyền thuyết ca ngợi tài thơ, lòng dũng cảm, trí thông minh và tinh thần thương dân yêu nước của ông. Tác phẩm của ông còn được lưu đến nay là 1353 bài thơ, 21 bài văn xuôi, một số bài ca trù và khá nhiều câu đối.

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm (Mười năm giao thiệp tìm gươm báu)

Nhất sinh đề thủ bách mai hoa (Một đời chỉ cúi trước hoa mai)

Đôi câu đối ấy đã thấu tỏ khá đầy đủ hoài bão và phẩm chất Cao Bá Quát. Lúc trẻ Cao Bá Quát cũng như trăm nghìn sỹ tử khác mong học giỏi đỗ cao để giúp đời. Trong thơ thấy rõ cái hăng hái thường tình ấy Trên đường công danh đã mấy ai nhàn/ Mũ lọng nhọn nhíp ta cũng đi đây. Nhưng cũng nhận ra ngay trong cơn hăng hái trên đường đi thi ấy cái khí phách khác thường của ông:

Sóng biển trào lên như đầu bạc lô nhô

Gió giận dữ đánh chìm cả những chiếc thuyền to

Chớp giật sấm ran ai nấy đều xanh mắt,

Giữa cảnh, con chim hải âu vẫn nhớn nhơ

Sau này trong truyền thuyết về Cao nhiều giai thoại cũng về nên sự bình thản của ông giữa gian lao như hải âu giữa bão: Một chiếc cùm lim chân có đế/ Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Khí phách ấy bắt nguồn từ chất tâm hồn của Cao Bá Quát. Tâm hồn ấy cao rộng. Qua núi Dục Thúy: Ta muốn trèo lên đỉnh núi cao ngất kia/ Hát vang lên để gửi tấm lòng vào mây nước. Tâm hồn ấy giàu năng lực bên trong, chấp nhận cái khó của đường đời:

Bãi cát dài, bãi cát dài!

Bước một bước lại như lùi một bước.

Trong tình cảnh oan khốc bị giam cầm, tra tấn chỉ vì tội sửa vào bài thi cho một thí sinh có tài vô ý phạm trường quy, ông tỉnh táo và can đảm coi việc mình làm là việc thiện, mà việc thiện thì ở hoàn cảnh nào cũng nên làm. Ông coi công lý thời ấy như cái máy làm nhục người (Bài thơ tả cái cùm). Ông nhìn thẳng vào chiếc roi da đang quật nhoang nhoáng vào người mình, ông tả nó và tả chính tâm trạng mình, như một cuộc đọ sức. Cái việc tả chính xác với các chi tiết nghiêm lạnh cho thấy ai vững hơn ai:

Roi quất nhoang nhoáng bay đi liệng lại như ánh chớp.

Lúc giờ lên như hai con thuồng luồng quật vào bờ ao lờ

Lúc ngừng như nước lạnh đổ vào nồi nước sôi (...)

Ở nơi góc đài những giọt sương trong cũng vì ta mà bay lên

Roi song rủ xuống thôi không hăng như trước nữa

Chấp tay đứng, ruột mềm quặn lại như cuốn vào ngón tay được.

Ông nhìn sông dài như lưỡi kiếm dựng giữa trời xanh. Ông hỏi hoa sen người có hồng bằng mặt rượu của ta không? Ông thấy núi như chiếc chén xà cừ của khách say. Khí phách, tài tử như Cao Bá Quát lại là người trầm thiết tình cảm, đặc biệt tình cảm gia đình. Ông có những câu thơ thương vợ thương con tình cảm chân thực, ngôn ngữ mộc mạc, hình như ông không muốn vẽ đẹp của tài thơ làm mờ đi nét thực của cảm xúc. Một số truyền thuyết muốn nhấn mạnh khí phách Cao Bá Quát đã mô tả ông có tính cách ngang tàng khinh bạc, coi nhẹ tình cảm, e không đúng. Cao Bá Quát khí phách nhưng đa cảm, đó là sự phong phú của tâm hồn ông. Thương xót người thân và thương xót mọi người nghèo khổ, bị ức hiếp. Hãy nghe ông mời một người đôi cùng ăn Than ôi hãy ngừng lệ/ Một bữa ta tạm mời/ Đời người như quán trọ/ Ung dung nào mấy ai/ Thông thả đừng nuốt vội/ No ứ dễ hại người. Cao Bá Quát đã thấy nguồn gốc nỗi khổ ấy, không dễ nói thẳng ra, nhưng ông đã tìm cách nói:

Nghe nói xe Rồng vừa ngự tới

Cung vua sẵn đó lại cung vua

Tâm sự nhà nho Cao Bá Quát rồi bởi: Tâm sự và tóc có chi phải so sánh vắn dài/ Đến lúc đã rồi bởi thì cùng rồi bởi như nhau. Rồi bởi vì ái quốc thì không thể trung quân.

Cuối đời, những bài thơ Cao Bá Quát càng nặng trĩu nội tâm. Không chỉ buồn thương, mà có buồn thương cũng không chỉ vì thân danh mình lận đận. Hoài bão của con người một đời chỉ cúi trước hoa mai rộng xa hơn nhiều. Trước cảnh đời ngang trái ấy ông không thể làm tấm bia không chữ, (Thế sự hà kham một tự bị). Ông phải có thái độ, nhưng thái độ ấy không thể nói trong thơ. Ông như cái hạt sen ôm tấm lòng đắng ngắt chỉ mình mình biết (Liên tử hữu tâm tri độc khổ). Đêm xuân đọc sách mà như đối thoại với người xưa (Bùi ngùi xuân này ngồi đối diện với người xưa) mà như giao lưu với vũ trụ (Dưới có người không ngủ/ Trên có vì sao muốn rơi). Trong bài Tiễn Nguyễn Trú Khê ra nhận chức tại phủ Thường Tín, ý chí hành động của Cao Bá Quát đã rõ, sau khi nhắc đến Chu An, Nguyễn Trãi, ông viết:

Khách nam nhi chẳng vì thế thái

Đem thân ra đỡ lấy cương thường

Năm 1853 Cao Bá Quát đã trở thành một trong những người lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương. Bối cảnh lịch sử chưa đủ chín để cuộc khởi nghĩa thành công. Nhưng Cao Bá Quát đã trở thành hình tượng sáng chói của lớp nhà thơ hoạt động, từ thơ mà thành chiến sỹ, lấy máu để diễn tả cao nhất cảm xúc của chính mình.

Hà Nội 1-11-2000

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Giai Thoại Thánh Quát

Cao Bá Quát hiệu là Chu Thần người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, con một nhà nho nổi tiếng hay chữ và có đức độ. Họ Cao ở làng ấy vốn là họ lớn, người trong họ nổi đời khoa bảng xuất thân; danh vọng nhất là Cao Bá Hiên làm đến Binh bộ Thượng thư triều Lê kiêm chức Tham tụng (tể tướng) ở phủ chúa Trịnh.

Từ nhỏ, Quát đã thông minh sáng dạ, ăn nói danh thép, điệu bộ hùng dũng, chí khí khác thường. Lên năm tuổi, cha đã cho học chữ. Quát học đâu nhớ đấy, lại thêm chữ viết đẹp như rồng bay phượng múa nên sớm nổi tiếng là thần đồng. Mười tuổi, Quát có tài nhả ngọc phun châu, đặt bút là thành thơ. Càng lớn lên, Quát càng tỏ ra có khí phách ngang tàng, không chịu cúi đầu khuất phục cường quyền. Tương truyền, làng Quát có người lý trưởng cậy thế quan trên rất hống hách, lạm thu thuế của dân mà cả làng sợ uy không ai dám nói. Quát biết chuyện, tức lắm, nhân việc lý trưởng đứng ra thu thuế đắp đôi voi ở đình bèn làm bài thơ đem đến dán. Thơ rằng:

Khen ai khéo khéo đắp đôi voi
Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi
Chỉ có cái kia sao chẳng thấy
Hay là thầy lý bớt đi rồi!

Lý trưởng biết là Quát nói xỏ mình, song đành bầm bụng làm ngơ.

Một lần khác, nghe tin Minh Mạng lên ngôi vua và ra Bắc để nhận phong của vua Thanh, Quát cũng ra Hà Nội xem vua. Hôm đó, trời nắng quá, Quát thấy bức bối trong mình bèn cởi quần áo xuống Hồ Tây tắm. Bất ngờ, Minh Mạng ngự chơi đền Trần Võ. Lĩnh cận vệ đẹp đường phát hiện ra Quát dưới hồ bèn gọi lên. Quát giả dờ sợ hãi không kịp mặc quần áo cứ trần như nhộng xin chịu tội. Vừa lúc, kiệu vua xịch đến. Minh Mạng thấy thế cho là hỗn láo vô lễ thì quả mắng. Quát nói mình là học trò, thật tình không biết lỗi vua đi, xin vua tha tội. Vua bảo:

- Nếu ngươi là học trò, trẫm ra cho câu đối, đối được thì tha, bằng không phải phạt chực roi.

Nhân thấy dưới hồ có con cá lớn đuổi bắt cá bé, Minh Mạng tức cảnh đọc rằng:

- Nước trong leo lẻo, cá đớp cá.

Quát gãi đầu gãi tai xin vua có tha tội mới dám đối, Minh Mạng thuận cho. Được lời, Quát đối luôn:

- Trời nắng chang chang, người trời người.

Minh Mạng biết mình hớ đề Quát xác xược, đánh đồng vua với Quát song trót hứa tha tội nên đành giả bộ thân nhiên khen hay rồi cho đi.

Quát học trường nào đều được thầy yêu bạn quý. Cũng như Nguyễn Văn Siêu, ông nổi tiếng một thời ở Thăng Long là bậc văn hay chữ tốt, học rộng biết nhiều. Người đời phục tài mới gọi là thần Siêu, thánh Quát. Bọn quan đương thời thấy vậy ghen ghét, định bụng hễ Quát đi thi thì tìm cách bới móc đánh hỏng. Bởi thế, năm Tân Mão đời Minh Mạng thứ mười hai (1831), Quát thi ở Thăng Long đậu cử nhân. Nhưng khi vào kinh thi hội, khảo quan chăm quyền thấy giọng văn mạnh mẽ ngang tàng khác thường thì bảo nhau:

- Quyền này hẳn là khẩu khí của Cao Bá Quát.

Bèn đánh hỏng. Mấy khoá sau, khảo quan vẫn dò ra quyền của Quát nên Quát vẫn không đậu. Quát bực tức bỏ về.

Năm Tân Sửu đời vua Thiệu Trị thứ nhất (1841), tổng đốc Bắc Ninh thấy Quát là người có tài mà chưa được dùng nên dâng biểu về kinh tiến cử. Thiệu Trị triệu Quát vào Huế nhưng chỉ cho làm chức quan nhỏ là Hành tẩu bộ Lễ. Lúc ấy, Quát đã ngót bốn mươi tuổi. Được vào triều, Quát thấy rõ vua quan đại thần rất một lũ ngu dốt lại kiêu căng hống hách, không biết trọng người tài. Bởi thế, Quát càng thêm chán ghét, hay mượn lời châm chọc. Một hôm, vua Tự Đức hỏi Quát về việc học văn trong nước, kể từ vua quan đến thứ dân trăm họ. Biết Tự Đức vẫn hóm mình là ông vua hay chữ, Quát thân nhiên nói:

- Tàu bệ hạ, cứ như ý hạ thần xét thì cả thiên hạ có bốn bề chữ. Bề hạ kể ra cũng chưa được một bề nhưng thần cũng kính dâng bề hạ cả bề, một bề thì đem chia cho nho sĩ trong nước, còn hai bề kia là phần của hạ thần.

Lại một hôm khác, vua Tự Đức nằm mơ thấy mình đọc được hai câu thơ chữ nho nhưng mỗi câu lại chen vào

hai chữ nôm vua lấy làm lạ mới đem kể lại và truyền bảo các quan chép thử chơi:

Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ

Đã ngoại đào hoa lảm tằm khai

(Nghĩa là: trong vườn, chim oanh học nói, tiếng khê khà. Ngoài đồng, hoa đào đâm bông, nở lảm tằm).

Vừa dứt lời đã thấy Quát quỳ xuống tâu:

- Tâu bệ hạ, hai câu đó không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ (thứ ba, thứ tư) của bài thơ thần đã được xem.

Vua bảo Quát đọc cho nghe. Quát ứng khẩu đọc ngay. Thật ra Quát dựa vào hai câu thơ của vua mà ghép thêm sáu câu khác thành bài, trong đó có câu:

Khù khờ thi tứ đa nhân thức

Khệnh khạng tương lai vẩn tú tài

(Nghĩa là: khù khờ không biết thơ ấy nhiều người biết. Lại còn khệnh khạng đem ra hỏi người tài).

Vua biết Quát có ý xược, song không thể bắt bẻ được đành bỏ qua.

Một buổi chiều, không biết vì lẽ gì, hai viên đại thần cãi lộn với nhau sau đi đến chỗ xô xát đâm đá. Khi ấy, Quát cũng có mặt nhưng giả bộ không hay, bỏ mặc. Quan Ngự sử đem cả hai viên đại thần ra hạch tội. Việc đến tai vua, vua triệu Quát vào để làm nhân chứng. Quát vốn chẳng ưa gì lũ triều thần kia hợm hĩnh, tranh nhau quyền hành, đục khoét, nay được vua bảo khai thì khai. Chẳng biết hư thực thế nào nhưng Quát tâu:

- Câu chuyện ra sao không rõ; hai bên cãi nhau rất to; bên này bảo bên kia: chó! Bên kia bảo bên này: chó!

Hai bên đều là chó, cuối cùng thì dùng võ, thần thấy nguy to vội co giò, thần chạy!

Các quan lớn nhỏ đều sạm mặt. Vì vậy, họ đem lòng thù oán Quát. Cho nên, mới làm quan vài năm, Quát mấy lần bị giáng. Sau, Quát bị đẩy khỏi kinh đưa ra Bắc, cho làm giáo thụ ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Việc ấy là vào năm Tân Hợi đời vua Tự Đức thứ tư (1851).

Bấy giờ, gặp nạn dịch, dân chết hàng vạn không kịp chôn. Người nào sống sót lại bị nạn quan lại cường hào đè nén, hà hiếp, vợ vết đến cái tơ cái tóc nên ai nấy đều xơ xác thân tàn, ma dại, phải kéo nhau từng đoàn đi ăn xin. Quát là người có chí khí, thấy dân tình khổ quá mà vua quan nhà Nguyễn đều là một lũ bất tài vô hạnh, hại nước hại dân, nên càng chán ghét. Bởi thế, nhận thức giáo thụ được một năm, đến năm sau Nhâm Tý (1852) ông đã cáo quan bỏ về. Từ bấy giờ, ông càng quyết chí lập nghiệp. Ông đi khắp vùng Hà Nội, Hà Đông, Hòa Bình, Sơn Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang chiêu tập nghĩa sĩ. Từ quan tước nhỏ gia đến binh lính nông phu nhiều người đã hưởng ứng. Lại có quan lang người Mường là Đinh Công Mỹ, suất đội Sơn Tây người thái là Bạch Công Trân cũng đem cả binh sĩ theo về. Đến năm Giáp Dần (1854), thanh thế Cao Bá Quát đã lớn lắm.

Giữa năm ấy, tổng đốc Bắc Ninh là Nguyễn Quốc Hoan nhận được tin cáo giác Cao Bá Quát đang ngầm hoạt động thì giật mình, cấp báo về kinh. Tự Đức bèn xuống chiếu truyền cho Nguyễn Quốc Hoan và tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình) là Lâm Duy Thiệp phải khẩn cấp tước nã bằng được Cao Bá Quát. Tự Đức còn treo giải cho ai bắt sống Quát thì thưởng năm trăm lạng bạc, nếu chém lấy đầu đem nộp thì thưởng ba trăm lạng với quan tước lục phẩm. Bọn Hoan, Thiệp sợ tội, một mặt tăng cường tuần tra canh phòng rất ngặt, mặt khác tung quân và thám tử truy lùng khắp nơi nhưng không thấy, chỉ thấy tình hình có vẻ dịu đi, im ắng. Tự Đức và bọn Hoan, Thiệp đã mừng, tưởng phía Quát sợ uy, không đánh đã vội tan.

Ngờ đâu, Quát đã bí mật kéo sang Sơn Tây. Bấy giờ là vào mùa đông năm Giáp Dần (1854). Mấy ngàn nghĩa binh theo Quát họp nhau tại khu rừng ngang, huyện Mỹ Lương (Hà Sơn Bình) làm lễ tế cờ. Lê Duy Cự, một người dòng dõi nhà Lê, được tôn làm minh chủ. Cao Bá Quát làm quốc sư; Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân, Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Văn Thục đều làm tướng. Sau lại có thêm Nguyễn Khắc Quyết đem một ngàn dân binh từ Bắc Ninh theo đường tắt kéo sang Mỹ Lương, kịp hội sư với nghĩa quân. Quốc sư Cao Bá Quát mừng lắm, mới họp tướng sĩ lại bảo:

- Bọn ta đều là người trong khoa giáp, binh nghiệp, chí khí có kém ai. Nay gặp phải đời vua hèn hạ, ngu dốt, khinh người như cỏ rác, quan thì tham tàn những nhiều khiến dân khổ trăm đường, bởi thế bọn ta phải vào rừng núi nổi nghĩa binh như đức Cao Hoàng xưa. Các ông nên gắng sức cho nghiệp lớn mau thành!

Nói đoạn, chia quân làm năm đạo giao cho năm tướng bí mật dẫn đi mai phục sẵn, hẹn đến giữa tháng mười thì nhất tề đánh chiếm các phủ thành Ứng Hòa, Thanh Oai, An Sơn (thuộc Quốc Oai), Vĩnh Tường, Tam Dương. Quát thì đóng ở Mỹ Lương để tiện đường tiếp viện. Tháng mười năm ấy, nghĩa binh thành linh nổi

lên đánh tới. Quân triều đình bị đánh úp bất ngờ nên thua to.

Tin dữ bay vào Huế. Tự Đức cả sợ nửa đêm vội sai một bày tướng tá đi điều ngay hai ngàn rưởi quân Thanh Nghệ đem súng thần công theo đường thủy gấp đường ra Bắc ứng cứu. Lại khẩn truyền cho tổng trấn Bắc Thành phải đốc hết binh lực cùng đánh dẹp. Bởi thế, quân triều đình đông tới hàng vạn. Chúng ồ ạt tràn lên vây hãm cướp lại các phủ thành. Nghĩa binh chống lại hăng lắm, nhưng quân ít thế cô, ngày càng bất lợi. Tướng Nguyễn Khắc Quyết bị bắt sống. Các cánh quân khác cũng bị bắt, bị giết, tổn hại nhiều. Cuối cùng, quân triều đình đánh dồn vào An Sơn. Tình thế gấp lắm. Quốc sư họ Cao quyết định thân dẫn quân đi tiếp viện. Tướng sĩ có người can:

- Quốc sư đi chuyến này e trúng kế điệu hổ ly sơn (như hổ ra khỏi rừng) của giặc. Xin Quốc sư tính lại để lo chuyện lâu dài về sau.

Quát không nghe, khẳng khái nói:

- Ta đâu chết chứ không thể bỏ tướng sĩ trong cơn hoạn nạn!

Dứt lời, Quát nai nịt gọn ghẽ nhảy lên ngựa, lập tức dẫn quân bản bộ đi ngay. Mờ sáng hôm sau thì đến, Quát hô quân xông vào đánh luôn. Chẳng dè, viên suất đội triều đình là Đinh Thế Quang được tin mật báo, ngầm đem pháo thủ phục sẵn đón đường, bất ngờ bắn như đồ đạn vào Quát. Quát trúng đạn tử trận. Cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương sau đó cũng tan dần, nhưng, người đời vẫn không ngớt lời truyền tụng về chí khí và văn tài của Thánh Quát.